

GHI CHÚ PHÁP LÝ QUAN TRỌNG (không thuộc nội dung chính thức của mẫu)

Mẫu số 29 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 245/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP) — Bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán, áp dụng cho các trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Điều 110, TRỪ trường hợp đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (áp dụng Mẫu số 29A cho trường hợp đó).

[CẦN XÁC MINH LẠI] Nội dung khung đề mục dưới đây được xây dựng dựa trên cấu trúc Bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu đã áp dụng ổn định nhiều năm trong thực tiễn thị trường chứng khoán Việt Nam (đối chiếu từ nhiều Bản cáo bạch niêm yết thực tế đã công bố), KHÔNG PHẢI được trích dẫn nguyên văn, đúng số thứ tự tuyệt đối từ file Phụ lục Mẫu số 29 chính thức của Nghị định 245/2025/NĐ-CP — do công cụ hiện có chưa trích xuất được văn bản từ file .docx gốc trên cổng thông tin pháp luật. Đề nghị Luật sư đối chiếu lại thứ tự, số đề mục với bản .docx gốc (đường dẫn: cdn.thuvienphapluat.vn, Phụ lục Nghị định 245/2025/NĐ-CP) trước khi dùng chính thức để nộp hồ sơ.

TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

[Ghi đầy đủ tên tổ chức đăng ký niêm yết]

BẢN CÁO BẠCH

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu — Mẫu số 29 Phụ lục Nghị định 245/2025/NĐ-CP)

(Đăng ký niêm yết số: *[SỐ ĐĂNG KÝ]* do Sở Giao dịch Chứng khoán *[TÊN SGDCK]*
cấp ngày *[NGÀY/THÁNG/NĂM]*)

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung (nếu có) được cung cấp tại:

Trụ sở chính: *[ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH]*

Điện thoại: *[SỐ ĐIỆN THOẠI]* Fax: *[SỐ FAX]* Website: *[WEBSITE]*

Tổ chức tư vấn: *[TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TƯ VẤN]*

MỤC LỤC

[Mục lục sẽ được lập tự động sau khi hoàn thiện nội dung — đối chiếu đúng số trang trước khi nộp hồ sơ.]

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

[Trình bày rủi ro liên quan đến tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... có ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức niêm yết.]

2. Rủi ro về pháp luật

[Trình bày rủi ro liên quan đến thay đổi chính sách, pháp luật chuyên ngành áp dụng cho lĩnh vực hoạt động của công ty.]

3. Rủi ro đặc thù

[Trình bày rủi ro gắn với đặc điểm ngành nghề, mô hình kinh doanh, chuỗi cung ứng, khách hàng, biến động giá nguyên vật liệu... của tổ chức niêm yết.]

4. Rủi ro khác

[Rủi ro bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn...) và rủi ro khác chưa liệt kê ở trên.]

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

[Họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính, Trưởng Ban kiểm soát — kèm cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của thông tin trong Bản cáo bạch.]

2. Tổ chức tư vấn

[Tên công ty chứng khoán tư vấn niêm yết, họ tên người đại diện, cam kết đã thực hiện rà soát hồ sơ theo hợp đồng tư vấn.]

III. CÁC KHÁI NIỆM

[Giải thích các từ, cụm từ viết tắt được sử dụng trong Bản cáo bạch (ví dụ: “Công ty”, “Tổ chức niêm yết”, “SGDCK”, “ĐHĐCĐ”, “HĐQT”, “BKS”, “UBCKNN”, “VSDC”...)].

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về công ty: *[tên, mã số doanh nghiệp, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, địa chỉ trụ sở]*

1.2. Quá trình hình thành và phát triển: *[các mốc lịch sử quan trọng, các lần tăng vốn, thay đổi mô hình hoạt động]*

1.3. Định hướng phát triển: *[chiến lược, mục tiêu trung và dài hạn]*

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

[Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con, công ty liên doanh/liên kết (nếu có).]

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

[Sơ đồ tổ chức: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng.]

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần; cơ cấu cổ đông

[Danh sách cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, cổ đông nội bộ và người có liên quan, tỷ lệ sở hữu, thời hạn hạn chế chuyển nhượng (nếu có).]

5. Hoạt động kinh doanh

[Sản phẩm/dịch vụ chính, thị trường tiêu thụ, nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, trình độ công nghệ, tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tình hình kiểm tra chất lượng, hoạt động marketing, nhãn hiệu thương mại, các hợp đồng lớn đang thực hiện.]

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

[Kết quả kinh doanh 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết (doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức, ROE...) và các nhân tố ảnh hưởng.]

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

[Vị thế của công ty trong ngành, triển vọng phát triển của ngành, đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng ngành.]

8. Chính sách đối với người lao động

[Số lượng, cơ cấu lao động, chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo.]

9. Chính sách cổ tức

[Tỷ lệ chi trả cổ tức các năm gần nhất, phương thức chi trả.]

10. Tình hình tài chính

[Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (khả năng thanh toán, cơ cấu vốn, năng lực hoạt động, khả năng sinh lời) trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết.]

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

[Danh sách, tóm tắt lý lịch, số cổ phần nắm giữ (kể cả đại diện sở hữu, nếu có) của từng thành viên HĐQT, BTGD, BKS, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính.]

12. Tài sản

[Danh mục tài sản cố định chủ yếu (đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị...), tình trạng sở hữu/thuê, khấu hao.]

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

[Chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của 02 năm tiếp theo và căn cứ, giả định để xây dựng kế hoạch.]

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

[Nhận định của tổ chức tư vấn niêm yết về tính khả thi, hợp lý của kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên.]

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

[Liệt kê cam kết (nếu có) chưa hoàn tất — ví dụ cam kết với cổ đông, đối tác, cơ quan quản lý.]

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

[Nêu rõ nếu không có tranh chấp/kiện tụng nào đáng kể; nếu có, mô tả tóm tắt và đánh giá mức độ ảnh hưởng.]

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

[Cổ phiếu phổ thông]

2. Mệnh giá

[10.000 đồng/cổ phiếu (hoặc mệnh giá thực tế)]

3. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết

[Số lượng cổ phiếu, tương ứng vốn điều lệ]

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc theo cam kết

[Danh sách cổ đông cam kết nắm giữ, tỷ lệ, thời hạn hạn chế chuyển nhượng theo quy định về niêm yết]

5. Giá niêm yết dự kiến

[Giá tham chiếu dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên và căn cứ xác định]

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

[Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo ngành nghề kinh doanh của công ty]

7. Các loại thuế có liên quan

[Tóm tắt nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư khi giao dịch, nhận cổ tức]

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

[Tên, địa chỉ, số Giấy phép hoạt động của công ty chứng khoán tư vấn]

2. Tổ chức kiểm toán

[Tên công ty kiểm toán được chấp thuận, ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính sử dụng trong hồ sơ]

VII. PHỤ LỤC

[Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động]

[Phụ lục II: Bản sao Điều lệ công ty]

[Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết]

[Phụ lục IV: Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu]

[Phụ lục khác (nếu có)]

CAM KẾT

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do *[TÊN TỔ CHỨC TƯ VẤN]* tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với *[TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT]*. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do *[TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT]* cung cấp.